

Số: 05/2022/QĐST-HNGĐ

Bát Xát, ngày 18 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**V/v “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật” và**  
**“Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân”**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT - TỈNH LÀO CAI**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:*** Bà Phạm Thị Thu Hằng

***Thư ký phiên họp:*** Bà Phạm Thị Minh Lý - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai tham gia phiên họp:*** Bà Nguyễn Thị Hoài Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

1. Chị Trịnh Thị K - Sinh ngày: 27/11/1985

Địa chỉ: Tổ B, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

2. Anh Bùi Văn Đ - Sinh ngày 06/06/1969.

Địa chỉ: Tổ B, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai ngày 21/4/2022 chị Trịnh Thị K và anh Bùi Văn Đ đều trình bày: Ngày 22/3/2002 anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai và đã được cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 13 ngày 22/3/2002. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn do có sự nhầm lẫn chị Trịnh Thị K khai năm sinh của chị là 1982 nên tại thời điểm đăng ký kết hôn thì đảm bảo độ tuổi theo quy định. Thực tế chị sinh ngày 27/11/1985, chị đã cung cấp các giấy tờ tùy thân như chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình, sổ quản lý nhân khẩu ở địa phương đều thể hiện chị Trịnh Thị K sinh ngày 27/11/1985, do đó chị Trịnh Thị K đã vi phạm điều kiện kết hôn là chưa đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia

đình năm 2000. Ngoài ra, chị Trịnh Thị K và anh Bùi Văn Đ không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị Trịnh Thị K và anh Bùi Văn Đ vẫn chung sống hòa thuận, hạnh phúc và anh chị khẳng định vẫn mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân, nên anh chị yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật và yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân có hiệu lực kể từ thời điểm anh chị đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày 27/11/2003 theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để làm căn cứ cho cơ quan đăng ký hộ tịch cải chính thông tin cá nhân đối với chị Trịnh Thị K theo quy định.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát xát, tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết việc dân sự kể từ khi thụ lý cho đến phiên họp hôm nay: Thẩm phán, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật, người yêu cầu chấp hành tốt các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng giải quyết việc dân sự. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 8, Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị giải quyết theo hướng:

Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Không cần thiết hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Trịnh Thị K và anh Bùi Văn Đ.

Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Trịnh Thị K và anh Bùi Văn Đ. Công nhận quan hệ hôn nhân của chị Trịnh Thị K và anh Bùi Văn Đ kể từ khi anh chị đủ độ tuổi kết hôn theo quy định.

Đề nghị tuyên nghĩa vụ chịu lệ phí giải quyết việc dân sự và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về yêu cầu “Hủy việc kết hôn trái pháp luật” và “Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân” của chị Trịnh Thị K và anh Bùi Văn Đ đều đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật. Đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 29, Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên họp chị Trịnh Thị K và anh Bùi Văn Đ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại phiên họp, căn cứ khoản 2 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt người yêu cầu.

[2] Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân của người yêu cầu: Kèm theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, người yêu cầu đã nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có

căn cứ và hợp pháp. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 22/03/2002 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai có ghi chị Trịnh Thị K, sinh năm 1982 nên tại thời điểm đăng ký kết hôn thì chị Trịnh Thị K đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên đến nay, chị Trịnh Thị K cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm bản sao giấy khai sinh, bản sao sổ hộ khẩu gia đình và các giấy tờ liên quan đến cá nhân chị Trịnh Thị K đều thể hiện chị Trịnh Thị K sinh ngày 27/11/1985. Do đó chị Trịnh Thị K đã vi phạm điều kiện về độ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, khi kết hôn chị mới 16 tuổi 03 tháng 23 ngày. Như vậy là vi phạm về độ tuổi kết hôn, hôn nhân giữa chị Trịnh Thị K và anh Bùi Văn Đ là trái pháp luật. Tuy nhiên tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật thì chị Trịnh Thị K và anh Bùi Văn Đ đã có đủ các điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, anh chị vẫn đang chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau, đã có con chung và anh chị đều có yêu cầu Công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm anh chị đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Trong trường hợp tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật mà cả hai bên kết hôn đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật này và hai bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân đó. Trong trường hợp này, quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm các bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này”.

Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2012 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nếu hai bên kết hôn cùng yêu cầu Tòa án công nhận hôn nhân thì Tòa án quyết định công nhận hôn nhân đó kể từ thời điểm các bên kết hôn có đủ điều kiện kết hôn”.

Như vậy quan hệ hôn nhân của chị Trịnh Thị K và anh Bùi Văn Đ được công nhận kể từ thời điểm chị Trịnh Thị K và anh Bùi Văn Đ đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày 27/11/2003 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do chị Trịnh Thị K và anh Bùi Văn Đ được công nhận quan hệ hôn nhân nên đối với yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật là không cần thiết nên Tòa án không chấp nhận.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Trịnh Thị K và anh Bùi Văn Đ phải chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 149, khoản 2 Điều 367, Điều 370, Điều 371 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 8, khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa

14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Trịnh Thị K và anh Bùi Văn Đ

Tuyên bố: Không chấp nhận yêu cầu Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Trịnh Thị K và anh Bùi Văn Đ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 22/3/2002 do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai cấp.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân của chị Trịnh Thị K và anh Bùi Văn Đ kể từ ngày 27/11/2003 (thời điểm chị Trịnh Thị K đủ tuổi kết hôn theo quy định).

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Chị Trịnh Thị K và anh Bùi Văn Đ phải chịu lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002194 ngày 22/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai; Chị Trịnh Thị K và anh Bùi Văn Đ đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Người yêu cầu vắng mặt, có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được Quyết định giải quyết việc dân sự.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bát Xát (2);
- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự(02);
- Chi cục THADS huyện Bát Xát;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ VDS, VP.

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**  
**(đã ký)**

**Phạm Thị Thu Hằng**